

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “đầu tư nâng cấp, tăng quy mô hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Tam Nông, 250 giường bệnh” tại khu 14, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ của Trung tâm Y tế huyện Tam Nông;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ tại Văn bản số 994/SYT-KHTC ngày 19/4/2023 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 266/TTr-STNMT ngày 28/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Tam Nông, địa chỉ tại khu 24, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “đầu tư 08 bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Phú Thọ thuộc Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ - hạng mục: nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú - thuộc Trung tâm Y tế huyện Tam Nông” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: đầu tư 08 bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Phú Thọ thuộc Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ - hạng mục: nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú - thuộc Trung tâm Y tế huyện Tam Nông.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu 24, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc sáp nhập Trung tâm Y tế và Bệnh viện đa khoa huyện để thành lập Trung tâm Y tế huyện tại 06 huyện: Lâm Thao, Phù Ninh, Tam Nông, Thanh Thủy, Tân Sơn, Yên Lập; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30/5/2022, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc quyết định và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư 08 bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Phú Thọ thuộc Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ do Sở Y tế tỉnh Phú Thọ làm chủ đầu tư.

1.4. Mã số thuế: 2600561339.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích đất 8.356m², trong đó bao gồm: nhà A (nhà điều hành); nhà B (khoa khám bệnh, khoa cấp cứu - HSTC - chống độc, khoa YHCT - PHCN, khoa xét nghiệm và hội trường số 2); nhà C (nhà khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng; phòng phẫu thuật); nhà E (nhà khu khám bệnh theo yêu cầu - thu ngân, khu hồi sức tích cực - khoa nội tổng hợp - khoa phụ sản - khoa nhi - khoa ngoại tổng hợp - chuyên khoa); nhà G (nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa y tế công cộng - ATP&DD, khoa kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS, khoa nội tổng hợp - truyền nhiễm, khoa nhi); nhà H (khoa an toàn thực phẩm và dinh dưỡng); nhà đại thể, nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú và các công trình phụ trợ (khu xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải rắn, sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh...) tại khu 24, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về Đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: 380 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện Tam Nông:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Tam Nông có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và các thủ tục pháp lý khác theo quy định.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 184/GXN-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 50/GP-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Các sở: Y tế; TN&MT;
- CVP, các PCVP;
- UBND huyện Tam Nông;
- Trung tâm Y tế huyện Tam Nông;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-15b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 5
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ xí tiều, bồn vệ sinh (nhà A; nhà B; nhà C; nhà E; nhà H; nhà G; nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú 6 tầng).
- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, tắm rửa, vệ sinh sàn (nhà A; nhà B; nhà C; nhà E; nhà H; nhà G; nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú 6 tầng).
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn (nhà H).
- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ hoạt động giặt là (nhà G);
- Nguồn số 05: nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khử khuẩn labo xét nghiệm, dụng cụ xét nghiệm, dụng cụ chứa bệnh phẩm... (nhà B; nhà C; nhà E; nhà G; nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú 6 tầng).
- Nguồn số 06: nước thải y tế phát sinh từ phòng thủ thuật, phẫu thuật, khu khám bệnh, phòng cấp cứu và khoa truyền nhiễm... (nhà B; nhà C; nhà E; nhà G; nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú 6 tầng).
- Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ hoạt động ngâm chân, trị liệu (nhà B).
- Nguồn số 08: nước thải phát sinh từ hoạt động lọc nước RO (nhà chẩn đoán hình ảnh, khoa ngoại tổng hợp và điều trị nội trú 6 tầng).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Một dòng nước thải là nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Đầm Đức Phong thuộc khu 24, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm xả vào đầm Đức Phong thuộc khu 24, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2354402; Y: 552011 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt.
- Chế độ xả nước thải: gián đoạn theo mẻ xử lý.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,0)
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (Cmax)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	TSS	mg/l	100	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amonia (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Coliform	MPN/100ml	5000	
11	Salmonella	vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Shigella	vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	

Ghi chú: đối với các thông số: pH, Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholerae trong nước thải y tế, sử dụng hệ số K = 1,0.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn số 01 (phát sinh từ xí tiêu, bồn vệ sinh) được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D110 về 9 bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 02 (nước thải rửa tay chân, tắm giặt, vệ sinh sàn) được thu gom bằng đường ống PVC D110 (cùng với nước thải phát sinh từ xí tiêu, bồn vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 03 (phát sinh từ hoạt động nấu ăn) được thu gom, dẫn về 1 bể tách mỡ 1,5m³ để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 04 (phát sinh từ hoạt động giặt là) được thu gom theo đường ống PVC D110 về 1 bể trung hòa để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 05 (nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khử khuẩn labo xét nghiệm, dụng cụ xét nghiệm, dụng cụ chứa bệnh phẩm...) được khử khuẩn bằng presept 2,5g sau đó thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D110 về 1 bể lắng sơ bộ (dung tích 3m³) để lắng sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 06 (nước thải y tế phát sinh từ phòng thủ thuật, phẫu thuật, khu khám bệnh, phòng cấp cứu) được thu gom theo hệ thống đường ống nhựa PVC 110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 07 (phát sinh từ hoạt động ngâm chân, trị liệu tại khoa y học cổ truyền và phục hồi chức năng) được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 08 (nước thải từ hệ thống lọc RO) được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm để xử lý.

Nước sau hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt cột B theo QCVN 28:2010/BTNMT và theo đường ống thép D150 và D200 xả vào đầm Đức Phong thuộc khu 24, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

+ 9 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 305,8m³).

+ 1 bể tách mỡ (thể tích 1,5m³).

+ 1 bể trung hòa nước thải nhà giặt (thể tích 5,4m³).

+ 1 bể lắng nước thải y tế (thể tích 3m³).

+ 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm gồm các bể xử lý thể tích lần lượt: bể điều hòa và lắng sơ bộ (42m³); bể lắng (24m³); thiết bị hợp khối - 2 module (150m³); bể khử trùng (11,8m³); bể chứa bùn (11,8m³).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: nước thải {(nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh → bể tự hoại) + nước rửa tay chân, sàn nhà + (nước thải nhà ăn → bể tách mỡ) + (nước thải nhà giặt → bể trung hòa) + (nước thải khử khuẩn dụng cụ → bể lắng) + nước thải phẫu thuật + nước ngâm chân, trị liệu + nước thải từ hệ thống lọc RO} → bể điều hòa và lắng sơ bộ → bể lắng → thiết bị hợp khối (gồm 2 nguyên đơn) → bể khử trùng → đầm Đức Phong (hệ thống có 1 bể chứa bùn).

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Men vi sinh, PAC, NaOH, HCl, Clorua vôi.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Trường hợp nước thải sau xử lý gặp sự cố phải dừng hoạt động xả nước thải và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Một tháng, bắt đầu từ ngày 01/6/2025, kết thúc ngày 30/6/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại bể điều hòa và lắng sơ bộ.

- Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm (tại vị trí sau bể khử trùng).

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, trung tâm phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông báo nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 5
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí: khu vực đặt máy phát điện dự phòng theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45 múi chiều 3⁰ có tọa độ: X = 2354325; Y = 552056.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

- Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2 Độ rung:

- Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

- Xây dựng phòng đặt riêng cho máy phát điện dự phòng. Thiết kế, lắp đặt vật liệu cách âm bao quanh phòng và cửa phòng đặt máy phát điện; lắp vật liệu chống rung đối với máy phát điện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 5
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Khối lượng chất thải phát sinh
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TAM NÔNG			
1	Chất thải rắn y tế lây nhiễm	13 01 01	kg/năm	17.624,23
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	kg/năm	2,5
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	kg/năm	5
4	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 02	kg/năm	5
5	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	kg/năm	15,2
6	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng	13 01 01	kg/năm	10
7	Tổng lượng chất thải nguy hại khác		kg/năm	7,6
7.1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,6
7.2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	kg/năm	0,5
7.3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	kg/năm	6,5
II	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA KHU VỰC BẮC SƠN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	50
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
III	TRẠM Y TẾ XÃ DẪN QUYÊN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	56
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
IV	TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN HÙNG HÓA			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	40
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
V	TRẠM Y TẾ XÃ HƯƠNG NỌN			

1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	40
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
VI	TRẠM Y TẾ XÃ THỌ VẤN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	40
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
VII	TRẠM Y TẾ XÃ DỊ NẬU			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	42
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
VIII	TRẠM Y TẾ XÃ VẠN XUÂN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	40
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
IX	TRẠM Y TẾ XÃ BẮC SƠN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	50
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
X	TRẠM Y TẾ XÃ LAM SƠN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	45
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
XI	TRẠM Y TẾ XÃ HIỀN QUAN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	40
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
XII	TRẠM Y TẾ XÃ THANH UYÊN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	35
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
XIII	TRẠM Y TẾ XÃ TỀ LỄ			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	45
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
XIV	TRẠM Y TẾ XÃ QUANG HỨC			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg/năm	55
2	Chất thải không lây nhiễm	-	kg/năm	0,5
Tổng				18.254,03

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Vật liệu giấy, vật liệu nhựa (chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào...), các chai, lon nước giải khát, các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh bỏ... khoảng 38.548 kg/năm.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 5.140,8 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 143,4 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: lưu chứa vào thùng nhựa màu vàng (có túi lót), gồm: 40 thùng loại 20 lít.

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: mỗi buồng tiêm bố trí 1 hộp đựng vật sắc nhọn treo trên xe đẩy đi tiêm để thu gom các chất thải lâm sàng sắc nhọn như: kim tiêm, kim truyền các loại.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: lưu chứa vào thùng nhựa màu đen được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải đầy đủ, gồm: 7 thùng loại 20 lít.

b) Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 8m², trong đó có thiết bị bảo quản lạnh chất thải lây nhiễm dưới 8°C được đặt trong kho lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kho lưu chứa CTNH có kết cấu tường xây kín, mái lợp tôn, có cửa sắt, được xây dựng có khoảng cách an toàn với các công trình lân cận của trung tâm và có dán biển hiệu cảnh báo theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: thùng chứa màu trắng gồm 25 thùng loại 20 lít.

b) Khu vực lưu chứa:

- Khu vực kho: diện tích 20m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có kết cấu tường xây gạch trát vữa xi măng dày 20cm cao 1m, nền lát gạch men, cao hơn mặt bằng sân trung tâm 30mm, có mái che lợp bằng tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: thùng chứa màu xanh gồm: 80 thùng loại 20 lít.

b) Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa: diện tích 15m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có kết cấu tường xây gạch trát vữa xi măng dày 20cm cao 1m, nền lát gạch men, cao hơn mặt bằng sân trung tâm 30mm, có mái che lợp bằng tôn, cửa nhôm kính và có dán biển báo.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

